

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2026
V/v tranh chấp xác định cha cho
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Phạm Thị Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2026/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị La Thị X, sinh năm 1999 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản C, xã Y, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Vi Thành S, sinh năm 2001 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản T, xã T, tỉnh Nghệ An.

Người được bị đơn ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Ông Lô Văn O, sinh năm 1979. Trú tại: Bản T, xã T, tỉnh Nghệ An.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Phùng Văn L, sinh năm 1997, căn cước công dân số 014097010830 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Đăng ký thường trú: Bản K, xã T, tỉnh Sơn La, hiện chấp hành án phạt tù tại đội 3, phân trại số 4, trại giam T, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2026 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị La Thị X trình bày:

Chị La Thị X và anh Phùng Văn L là vợ chồng nhưng đã sống ly thân với nhau từ năm 2020. Sau khi sống ly thân thì chị X không còn liên lạc với anh Phùng Văn L. Đến năm 2024 thì chị X gặp gỡ và quen biết anh Vi Thành S, đến tháng 4/2024 thì chị X mang thai và sinh cháu Vi Đức C (tên dự kiến) vào ngày 06/01/2025 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng sinh số GCS 00013.GCS.40014.25, quyển số 01 ngày 08/01/2025. Chị X sinh cháu Vi Đức C (tên dự kiến) trong thời kỳ hôn nhân với anh Phùng Văn L nên chị X không thể làm giấy khai sinh cháu Vi Đức C (tên dự kiến) mang họ tên cha là anh Vi Thành S được. Anh Vi Thành S và cháu Vi Đức C (tên dự kiến) có mối quan hệ huyết thống cha – con tại kết quả phân tích AND số 1304.VE/26/ADN tại Viện nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ ViCare vào ngày 12/5/2026 kết luận “mẫu Vi Thành S và mẫu Vi Đức C: có quan hệ huyết thống cha – con với xác suất 99,9999999999992%”. Để đảm bảo quyền lợi của cháu Vi Đức C (tên dự kiến), nay chị X yêu cầu Tòa án: Xác định anh Vi Thành S (Sinh ngày 29/01/2001, địa chỉ bản T, xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cước số 040201019076 Cấp ngày: 13/01/2026 Nơi cấp: Bộ C1) là cha đẻ của cháu Vi Đức C (tên dự kiến)– Sinh ngày 06/01/2025 (Theo giấy chứng sinh số 00013, quyển số 01, do Trung cấp y tế huyện T cấp vào ngày 08/01/2026).

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2026 bị đơn anh Vi Thành S trình bày:

Anh Vi Thành S và chị La Thị X tìm hiểu nhau từ năm 2024, anh S biết là chị X đã từng có chồng nhưng chị X nói với anh S là vợ chồng đã bỏ nhau không vướng bận nữa. Đến giữa năm 2024 thì chị X mang thai, anh S và chị X đi đăng ký kết hôn thì được thông báo là chị X chưa ly hôn nên không tiến hành đăng ký kết hôn được, do công việc bận rộn, anh S và chị X cũng không hiểu biết pháp luật nên tính đến thời điểm hiện tại thì chị X vẫn chưa ly hôn anh Phùng Văn L. Chị X sinh cháu Vi Đức C (tên dự kiến) vào ngày 06/01/2025 tại giấy chứng sinh số 00013, quyển số 01, do Trung cấp y tế huyện T cấp vào ngày 08/01/2026. Sau khi sinh con được một thời gian thì anh S đi khai sinh cho cháu Vi Đức C (tên dự kiến) nhưng không khai sinh được họ và tên cha Vi Thành S, do chị X và anh L chưa ly hôn với nhau. Anh Vi Thành S và cháu Vi Đức C (tên dự kiến) đã tiến hành giám định AND tại Viện nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ V và tại kết quả phân tích AND số 1304.VE/26/ADN của Viện nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ ViCare vào ngày 12/5/2026 kết

luận “mẫu Vi Thành S và mẫu Vi Đức C Có mối quan hệ huyết thống cha – con xác suất 99.9999999999992%”.

Để đảm bảo quyền lợi của cháu Vi Đức C (tên dự kiến), nay anh S yêu cầu Tòa án: Xác định anh Vi Thành S (Sinh ngày 29/01/2001, địa chỉ bản T, xã T, tỉnh Nghệ An, căn cước số 040201019076 Cấp ngày: 13/01/2026 Nơi cấp: Bộ C1) là cha đẻ của cháu Vi Đức C (tên dự kiến)– Sinh ngày 06/01/2025 (Theo giấy chứng sinh số 00013, quyền số 01, do Trung cấp y tế huyện T cấp vào ngày 08/01/2026).

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2026 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn L trình bày: Anh Phùng Văn L và chị La Thị X là vợ chồng, kết hôn vào năm 2019, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11/2020, nhưng hiện nay anh L, chị X chưa ly hôn. Anh L và chị X có 01 con chung Phùng Thị Khánh L1, sinh ngày 09/9/2020 hiện cháu đang sống với bà nội tại bản Khoa 1, xã T, tỉnh Sơn La. Cháu Vi Đức C (tên dự kiến), do chị La Thị X sinh ngày 06/01/2025 và được cấp giấy chứng sinh số 00013, quyền số 01, do Trung cấp y tế huyện T cấp vào ngày 08/01/2026 không phải là con chung của anh L và chị La Thị X, chị X sinh cháu C khi vợ chồng đang ly thân với nhau. Nay chị X yêu cầu Tòa án xác định anh Vi Thành S (Sinh ngày 29/01/2001, địa chỉ bản T, xã T, tỉnh Nghệ An, căn cước số 040201019076 Cấp ngày: 13/01/2026 Nơi cấp: Bộ C1) là cha đẻ của cháu Vi Đức C (tên dự kiến)– Sinh ngày 06/01/2025 (Theo giấy chứng sinh số 00013, quyền số 01, do Trung cấp y tế huyện T cấp vào ngày 08/01/2025) thì anh L đồng ý. Bản thân anh L khẳng định lần nữa cháu Vi Đức C (tên dự kiến) không phải là con đẻ của anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị La Thị X cụ thể như sau: Xác định anh Vi Thành S là cha đẻ của cháu Vi Đức C (tên dự kiến) sinh ngày 06/01/2025; Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị La Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Vi Thành S đăng ký thường trú tại bản T, xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp xác định cha cho con giữa nguyên đơn chị La Thị X và bị đơn anh Vi Thành S thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11- Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của chị La Thị X về việc xác định anh Vi Thành S là cha đẻ của cháu Vi Đức C (tên dự kiến), Hội đồng xét xử thấy: Chị La Thị X và anh Phùng Văn L là vợ chồng, kết hôn năm 2019, đã sống ly thân từ năm 2020 nhưng chưa ly hôn. Năm 2024, chị X quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Vi Thành S, sau đó mang thai và sinh cháu Vi Đức C (tên dự kiến) ngày 06/01/2025. Chị X xác định cháu C là con của anh S và đề nghị Tòa án xác định anh S là cha đẻ của cháu.

[2.2] Theo khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân được xác định là con chung của vợ chồng. Do cháu Vi Đức C (tên dự kiến) được sinh ngày 06/01/2025, trong thời điểm chị La Thị X và anh Phùng Văn L vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân, nên về nguyên tắc cháu C được xác định là con chung của chị X và anh L. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định. Vì vậy, trong vụ án này cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xác định quan hệ cha, con thực tế của cháu C.

[2.3] Đối với anh Phùng Văn L, anh L xác định anh và chị X đã sống ly thân từ tháng 11/2020, đến nay chưa ly hôn, đồng thời khẳng định cháu Vi Đức C (tên dự kiến) không phải là con đẻ của mình. Anh L biết chị X yêu cầu xác định anh Vi Thành S là cha đẻ của cháu C và đồng ý với yêu cầu này. Lời khai của anh L phù hợp với lời khai của chị X về thời gian hai người ly thân và phù hợp với diễn biến quan hệ giữa chị X và anh S. Do đó, có cơ sở xác định anh L không thừa nhận cháu C là con đẻ của mình.

[2.4] Đối với anh Vi Thành S, anh S xác định có quan hệ tình cảm với chị X từ năm 2024, biết chị X mang thai và xác định cháu Vi Đức C (tên dự kiến) là con đẻ của mình. Anh S đã yêu cầu Tòa án xác định anh là cha của cháu C. Lời khai của anh S phù hợp với lời khai của chị X và phù hợp với kết quả xét

nghiệm ADN có trong hồ sơ.

[2.5] Về chứng cứ xác định quan hệ huyết thống, Kết quả phân tích ADN số 1304.VE/26/ADN của Viện Nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng Công nghệ Vietcare, xét nghiệm ngày 11/5/2026, xác định mẫu của anh Vi Thành S và mẫu của cháu Vi Đức C (tên dự kiến) có quan hệ huyết thống cha - con với xác suất 99,9999999999992%. Kết quả này phù hợp với sự thừa nhận của anh S, phù hợp với lời khai của chị X và anh L, đồng thời là căn cứ khoa học trực tiếp để xác định quan hệ huyết thống giữa anh S và cháu C.

[2.6] Như vậy, mặc dù cháu Vi Đức C (tên dự kiến) sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị X và anh L nên ban đầu thuộc trường hợp được xác định là con chung của vợ chồng theo khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng anh L không thừa nhận cháu C là con đẻ của mình và có căn cứ chứng minh ngược lại. Trong khi đó, anh S nhận cháu C là con và kết quả phân tích ADN đã xác định hai người có quan hệ huyết thống cha - con với xác suất 99,9999999999992%. Các chứng cứ trong hồ sơ thống nhất, không có mâu thuẫn và đủ cơ sở xác định quan hệ huyết thống thực tế giữa anh Vi Thành S và cháu Vi Đức C (tên dự kiến).

[2.7] Theo Điều 89, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc xác định cha, mẹ, con được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của người có quyền và các chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con. Trong trường hợp này, yêu cầu của chị La Thị X có căn cứ, phù hợp với ý kiến của anh Vi Thành S và anh Phùng Văn L, đặc biệt phù hợp với kết quả phân tích ADN. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị X, xác định anh Vi Thành S là cha đẻ của cháu Vi Đức C (tên dự kiến), sinh ngày 06/01/2025.

[3] Án phí và quyền kháng cáo: Chị La Thị X là đương sự trong vụ án tranh chấp xác định cha cho con chưa thành niên nên được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 89, khoản 1 Điều 90, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị X về việc xác định cha cho con.

Xác định anh Vi Thành S, sinh ngày 29/01/2001, địa chỉ bản T, xã T, tỉnh Nghệ An, (căn cước số 040201019076, cấp ngày: 13/01/2026, nơi cấp: Bộ C1) là cha đẻ của cháu Vi Đức C (tên dự kiến) – Sinh ngày 06/01/2025 (Theo giấy chứng sinh số 00013, quyển số 01, do Trung cấp y tế huyện T cấp vào ngày 08/01/2025).

2. Chị La Thị X và anh Vi Thành S có quyền liên hệ đến cơ quan đăng ký hộ tịch để khai sinh cho con có tên dự kiến là Vi Đức C theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị La Thị X được miễn án phí sơ thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11, Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tương Dương, Nghệ An;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lương Thị Ái